

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10 /2019/DS-ST

Ngày: 10 – 7 - 2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy
- Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Duy Năm và bà Đỗ Thị Hằng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- **Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:** Ông Lê Đình Dung

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 3 tháng 4 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST-DS ngày 3 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thọ P

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị T - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N.
Theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2019.

Bị đơn: Anh Lê Như T, sinh năm 1980 và chị Lê Thị L, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 6 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng N ký hợp đồng tín dụng số 201613402 với bên vay vốn là anh Lê Như T và chị Lê Thị L với số tiền cho vay là 200.000.000đ; Thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 6/12/2016; Mục đích vay: Mua vật liệu phục vụ hoạt động thiết kế buôn bán vật dụng nhôm kính và mua sắm đồ dùng sinh hoạt. Cụ thể từng giấy nhận nợ như sau:

Ngày 6/12/2016 nhận nợ số tiền vay là: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); lãi suất 11%/ năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm.

Ngày 11/12/2017 nhận nợ số tiền vay là 130.000.000đ; lãi suất 9%/năm; lãi suất quá hạn 13,5%/năm.

Số tiền lãi đã trả: 26.296.111đ

Số tiền gốc đã trả: 22.043.000đ

Dư nợ hiện tại: 177.957.000đ

Số lãi còn lại của số nợ trên đến ngày 10/7/2019 là: 14.138.377đ. Trong đó lãi trong hạn: 10961.650đ, lãi quá hạn: 3.176.727đ.

Hợp đồng vay vốn được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp số 3516/114/49/2016 ngày 02 tháng 12 năm 2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 214271 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 11/9/2015, tại thửa số 1074, tờ bản đồ số 9, diện tích 410,1m² mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Trên đất có nhà ở cấp 4, tường gạch, mái tôn, diện tích xây dựng là 85,5m² cùng với công trình xây dựng khác. Giấy chứng nhận đất mang tên Lê Như T và Lê Thị L; Tại Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh H, thời hạn thế chấp kể từ ngày 29/11/2016 (Điều 2 HĐ thế chấp). Hợp đồng này được công chứng viên, văn phòng công chứng T, huyện T, tỉnh H công chứng ngày 02 tháng 12 năm 2016. Giá trị tài sản bảo đảm là 302.232.000đ (Ba trăm linh hai triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng), theo biên bản xác định lại giá trị tài sản thế chấp ngày 29 tháng 11 năm 2016. Thực hiện như hợp đồng đã cam kết Ngân hàng đã giải ngân theo hai giấy nhận nợ với tổng số tiền vay là 200.00.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Quá trình trả nợ Anh T, chị L đã vi phạm hợp đồng, đã quá hạn thanh toán lãi, mặc dù đã được đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T, chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Lê Như T và chị Lê Thị L phải trả số tiền tạm tính đến ngày 10 tháng 7 năm 2019 như sau:

Tiền gốc còn lại: 177.957.000đ (Một trăm bảy bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bao gồm:

Ngày 06/12/2016 nhận nợ số tiền vay là: 70.000.000đ; Lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm; Dư nợ đến ngày 10/7/2019: 65.000.000đ.

Ngày 11/12/2017 nhận nợ số tiền vay là: 130.000.000đ, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 13,5%/năm; Dư nợ đến ngày 10/7/2019 là: 112.957.000đ

Lãi suất tạm tính đến ngày 10/7/2019: 14.138.377đ. Trong đó: Lãi trong hạn: 10.961.650đ; lãi quá hạn: 3.176.727đ

Trong đó:

Nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2019 của giấy nhận nợ 06/12/2016 là: 5.751.320đ, trong đó lãi trong hạn 5.363.872đ; lãi quá hạn 153.542đ.

Nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2019 của giấy nhận nợ 11/12/2017 là: 8.387.057đ; Trong đó lãi trong hạn: 5.363.872đ, lãi quá hạn 3.023.186đ.

Tổng cộng Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải thanh toán số tiền gồm gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/7/2019 là: 192.095.377đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm chín lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng)

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi gia đình chị L, anh T thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nếu không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì đề nghị Tòa án phát mại số tài sản đã thế chấp theo hợp đồng.

Đối với bị đơn là anh Lê Như T và chị Lê Thị L, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 9/4/2019 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, qua báo cáo của UBND xã X cho biết anh T và chị L có hộ khẩu tại xã X, huyện T, vợ chồng chưa cắt khẩu đi nơi khác, không có mặt tại địa phương, không xin giấy tạm vắng. Hiện vợ chồng anh chị đang ở đâu địa phương không nắm được. Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh, chị đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh, chị không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định

Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là nhà và đất theo hợp đồng thế chấp, các tài sản từ khi thế chấp đến nay không có biến động gì, không cho ai thuê, không chuyển nhượng, không có tranh chấp gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 293, Điều 295, Điều 299 của Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng N, buộc anh Lê Như H và chị Lê Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 192.095.377đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm chín lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng. Nếu anh T, chị L không thực hiện việc trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng anh T, chị L để thu hồi toàn bộ khoản nợ; Về án phí: Buộc vợ chồng anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đòi yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Như T và chị Lê Thị L mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng không đến Tòa án, không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số tín dụng số 201613402 được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng anh Thịnh là do các bên tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3516/114/49/2016 ngày 02 tháng 12 năm 2016, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay thì thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho bên vay vốn của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng.

Giá trị tài sản bảo đảm là 302.232.000đ (Ba trăm linh hai triệu, hai trăm ba hai nghìn đồng), theo biên bản xác định lại giá trị tài sản thế chấp ngày 29 tháng 11 năm 2016. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 214271 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 11/9/2015, tại thửa số 1074, tờ bản đồ số 9, diện tích 410,1m² mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Trên đất có nhà ở cấp 4, tường gạch, mái tôn, diện tích xây dựng là 85,5m² cùng với công trình xây dựng khác. Giấy chứng nhận đất mang tên Lê Như T và Lê Thị L; Tại Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh H.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh T, chị L là người trực tiếp ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N và cũng là người trực tiếp nhận 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền giải ngân theo hợp đồng vay vốn từ Ngân hàng, được thể hiện trên giấy nhận nợ ngày 6/12/2016 và giấy nhận nợ ngày 8/12/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị L đã trả số tiền gốc là 22.043.000đ, dư nợ gốc hiện tại còn 177.957.000đ, anh T, chị L vi phạm nghĩa vụ trả lãi, số tiền lãi tạm tính đến ngày 10 / 7/2019 là 14.138.377đ , mặc dù đã được đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền gồm gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/7/2019 là: 192.095.377đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm chín lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Trường hợp vợ chồng anh T, chị L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng anh T, để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Vợ chồng anh T, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 293, Điều 295, Điều 299 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm c, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N , buộc vợ chồng anh T, chị L phải thực hiện nghĩa vụ đã ký kết theo hợp đồng.

2. Buộc vợ chồng anh T, chị L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền cụ thể tính đến ngày 10/7/2019 như sau:

Tiền gốc còn lại: 177.957.000đ (Một trăm bảy bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Lãi suất tạm tính đến ngày 10/7/2019: 14.138.377đ. Trong đó: Lãi trong hạn: 10.961.650đ; lãi quá hạn: 3.176.727đ

Tổng cộng Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải thanh toán số tiền gồm gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/7/2019 là: 192.095.377đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm chín lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng).

3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 3516/114/49/2016 ngày 02 tháng 12 năm 2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 214271 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 11/9/2015, tại thửa số 1074, tờ bản đồ số 9, diện tích 410,1m² mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Trên đất có nhà ở cấp 4, tường gạch, mái tôn, diện tích xây dựng là 85,5m² cùng với công trình xây dựng khác. Giấy chứng nhận đất mang tên Lê Như T và Lê Thị L; Tại Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh H, thời hạn thế chấp kể từ ngày 29/11/2016.

Trong trường hợp vợ chồng anh T, chị L không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Triệu Sơn xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Trường hợp sau khi phát mại tài sản, số tiền không đủ thanh toán thì vợ chồng anh T, chị L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ. Trường hợp số tiền

phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền còn nợ Ngân hàng, thì số tiền còn lại sau khi thanh toán được trả lại.

4. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Vợ chồng anh T, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.604.768 (Chín triệu, sáu trăm linh bốn nghìn, bảy trăm sáu tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0003468 ngày 29/3/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 4.596.000đ (Bốn triệu, năm trăm chín sáu nghìn đồng)

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn . Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hằng Trần Duy Năm

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

